

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v “Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật” và
“Yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân”**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH LÀO CAI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Sầm Thị Tươi

Thư ký phiên họp: Ông Trịnh Ngọc Long - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai tham gia phiên họp: Bà Dương Thị Hồng Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 60/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 về việc “Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật” và “Yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 05/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Hội Liên hiệp phụ nữ huyện S, tỉnh Lào Cai

Địa chỉ trụ sở: Tổ dân phố P, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Dương Thị H, địa chỉ nơi cư trú: Tổ dân phố P, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai - Là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ huyện S, tỉnh Lào Cai) - Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Ly Seo Q, sinh ngày 15/3/1991

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn S1, xã Q, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

2. Chị Ma Thị D, sinh ngày 28/02/1989

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn S1, xã Q, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

1. Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự bà Dương Thị H trình bày: Anh Ly Seo Q, sinh ngày 15/3/1991 và chị Ma Thị D, sinh ngày 28/02/1989, hiện đang cư trú tại thôn S1, xã Q, huyện S, tỉnh Lào Cai có đăng ký kết hôn ngày 10/02/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Q1 (nay là xã Q), huyện S, tỉnh Lào Cai. Khi kết hôn, thì anh Q đã vi phạm điều kiện kết hôn (chưa từ hai mươi tuổi trở lên) theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Ngoài ra, anh Q và chị D không vi phạm điều kiện kết hôn nào khác của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay Hội Liên hiệp phụ nữ huyện S, tỉnh Lào Cai yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Ly Seo Q và chị Ma Thị D để làm căn cứ cho cơ quan đăng ký hộ tịch, cải chính thông tin cá nhân đối với anh Q theo quy định.

2. Tại Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 01/12/2020 và bản tự khai, ngày 02/12/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ly Seo Q và chị Ma Thị D đều trình bày: Anh Q và chị D có đăng ký kết hôn ngày 10/02/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Q1 (nay là xã Q), huyện S, tỉnh Lào Cai. Khi kết hôn, thì anh Q đã vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Ngoài ra, anh Q và chị D không vi phạm điều kiện kết hôn nào khác của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay anh Q và chị D đều khẳng định vẫn mong muốn duy trì quan hệ hôn nhân, nên anh Q và chị D yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân có hiệu lực kể từ thời điểm anh Q và chị D đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đồng thời anh Q và chị D đã nộp đơn đề nghị xác nhận là người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và đơn đề nghị miễn toàn bộ tiền tạm ứng lệ phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện S nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định về thủ tục giải quyết việc dân sự. Sau khi Tòa án ra Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự, thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Q và chị D đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, nên Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật: Kèm theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu đã nộp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cụ thể như sau: Giấy chứng nhận kết hôn anh Q và chị D kết hôn ngày 10/02/2009, giấy khai sinh của anh Q khai sinh ngày 15/3/1991, như vậy khi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q1 (nay là xã Q), huyện S, tỉnh Lào Cai, thì anh Q đã vi phạm quy định về độ tuổi kết hôn quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Vì vậy, việc Hội Liên hiệp phụ nữ huyện S, tỉnh Lào Cai yêu cầu Tòa án giải quyết hủy việc kết hôn trái pháp luật của anh Q và chị D là có căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8, điểm d khoản 2 Điều 10, khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên cần được chấp nhận hủy việc kết hôn trái pháp luật của anh Q và chị D kể từ ngày 10/02/2009 đến ngày 15/3/2011.

[3] Về yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân: Tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật thì cả anh Q và chị D đã có đủ các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đồng thời anh Q và chị D đều yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị, nên Tòa án sẽ xem xét công nhận quan hệ hôn nhân của anh Q và chị D kể từ thời điểm cả anh Q và chị D đủ tuổi kết hôn, tức là kể từ ngày 15/3/2011. Vì vậy việc anh Q và chị D đều yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị là có căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên cần được chấp nhận.

[4] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Hội Liên hiệp phụ nữ huyện S, tỉnh Lào Cai không phải nộp tiền tạm ứng lệ phí Tòa án và không phải chịu lệ phí Tòa án theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 11 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trong giai đoạn xét đơn yêu cầu, anh Q và chị D đã nộp đơn đề nghị xác nhận là người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và đơn đề nghị miễn toàn bộ tiền tạm ứng lệ phí.

Xét thấy, việc anh Q và chị D đã nộp đơn đề nghị xác nhận là người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và đơn đề nghị miễn toàn bộ tiền tạm ứng lệ phí phù hợp với điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 1,4 Điều 16 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên cần được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Điều 149, khoản 3 Điều 367, Điều 369 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 8, điểm d khoản 2 Điều 10, khoản 1,2,3 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm d khoản 2 Điều 11, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1,4 Điều 16 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật: Chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của Hội Liên hiệp phụ nữ huyện S, tỉnh Lào Cai. Hủy việc kết hôn trái pháp luật của anh Ly Seo Q và chị Ma Thị D kể từ ngày 10/02/2009 đến ngày 15/3/2011.

- Về yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của anh Ly Seo Q và chị Ma Thị D. Công nhận quan hệ hôn nhân của anh, chị kể từ thời điểm cả anh Ly Seo Q và chị Ma Thị D đủ tuổi kết hôn, tức là kể từ ngày 15/3/2011.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Hội Liên hiệp phụ nữ huyện S, tỉnh Lào Cai không phải chịu tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Ly Seo Q và chị Ma Thị D được miễn nộp toàn bộ tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, tính từ ngày họ nhận được quyết định này hoặc kể từ ngày quyết định này được thông báo, niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện S (2);
- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (2);
- CCTHADS huyện S;
- UBND xã Q,
- H.S, T. Lào Cai;
- Lưu: HSVDS, THS (3).

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Sầm Thị Tươi

NXAGĐ quý 2.2016 NX ko áp dụng khoản 1,2,3 Điều 330, khoản 1,2 Điều 331 BLTTDS

- Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, **7b** và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự